# TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH
# TRADING SUMMARY

**Ngày:**
**Date:** **26/09/2024**

## 1. Chỉ số chứng khoán
(Indices)

| Chỉ số<br>Indices | Đóng cửa<br>Closing value | Tăng/Giảm<br>+/- Change | Thay đổi (%)<br>% Change | GTGD (tỷ đồng)<br>Trading value (bil.dongs) |
|---|---|---|---|---|
| VNINDEX | 1,291.49 | 4.01 | 0.31 | 21,803.61 |
| VN30 | 1,350.85 | 6.78 | 0.50 | 11,869.27 |
| VNMIDCAP | 1,939.71 | 8.41 | 0.44 | 7,693.80 |
| VNSMALLCAP | 1,426.52 | -0.79 | -0.06 | 1,823.55 |
| VN100 | 1,338.15 | 6.25 | 0.47 | 19,563.07 |
| VNALLSHARE | 1,342.87 | 5.85 | 0.44 | 21,386.62 |
| VNXALLSHARE | 2,131.79 | 8.94 | 0.42 | 22,043.49 |
| VNCOND | 2,152.56 | -7.71 | -0.36 | 1,121.34 |
| VNCONS | 689.34 | 4.78 | 0.70 | 1,220.92 |
| VNENE | 704.07 | 4.39 | 0.63 | 308.30 |
| VNFIN | 1,669.06 | 16.40 | 0.99 | 11,045.45 |
| VNHEAL | 1,903.19 | -1.60 | -0.08 | 48.68 |
| VNIND | 781.36 | -0.01 | 0.00 | 2,090.64 |
| VNIT | 5,451.46 | -21.19 | -0.39 | 500.88 |
| VNMAT | 2,130.05 | -7.80 | -0.36 | 2,175.97 |
| VNREAL | 928.01 | 0.82 | 0.09 | 2,214.34 |
| VNUTI | 885.81 | -0.37 | -0.04 | 648.33 |
| VNDIAMOND | 2,326.79 | 9.96 | 0.43 | 7,651.85 |
| VNFINLEAD | 2,124.62 | 16.46 | 0.78 | 10,529.23 |
| VNFINSELECT | 2,236.07 | 21.96 | 0.99 | 11,045.45 |
| VNSI | 2,174.82 | 11.08 | 0.51 | 5,617.51 |
| VNX50 | 2,278.40 | 11.25 | 0.50 | 16,223.57 |

## 2. Giao dịch toàn thị trường
(Trading total)

| Nội dung<br>Contents | KLGD (ck)<br>Trading vol. (shares) | GTGD (tỷ đồng)<br>Trading val. (bil. Dongs) |
|---|---|---|
| Khớp lệnh | 890,206,600 | 20,137 |
| Thỏa thuận | 66,969,018 | 1,677 |
| Tổng | 957,175,618 | 21,814 |

## Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày
(Top volatile stock up to date)

| STT<br>No. | Top 5 CP về KLGD<br>Top trading vol. | | Top 5 CP tăng giá<br>Top gainer | | Top 5 CP giảm giá<br>Top loser | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã CK<br>Code | KLGD (cp)<br>Trading vol. (shares) | Mã CK<br>Code | % | Mã CK<br>Code | % |
| 1 | TPB | 65,295,593 | CCI | 6.97% | NCT | -4.75% |
| 2 | VPB | 56,257,303 | LDG | 6.93% | SRC | -4.65% |
| 3 | MSB | 47,333,544 | AGM | 6.89% | IJC | -3.86% |
| 4 | SHB | 42,227,110 | HU1 | 6.83% | SMC | -2.97% |
| 5 | TCB | 36,223,687 | SC5 | 6.82% | MCP | -2.83% |

## Giao dịch của NĐTNN
(Foreigner trading)

| Nội dung<br>Contents | Mua<br>Buying | % | Bán<br>Selling | % | Mua-Bán<br>Buying-Selling |
|---|---|---|---|---|---|
| KLGD (ck)<br>Trading vol. (shares) | 86,612,334 | 9.05% | 55,643,826 | 5.81% | 30,968,508 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **GTGD (tỷ đồng)**<br>**Trading val. (bil. Dongs)** | 2,566 | 11.76% | 1,607 | 7.37% | 959 |

**Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài**
**(Top foreigner trading)**

| STT | Top 5 CP về KLGD NĐTNN<br>Top trading vol. | | Top 5 CP về GTGD NĐTNN | | Top 5 CP về KLGD NĐTNN mua ròng | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TPB | 19,938,901 | TPB | 321,312,911 | SBT | 70,886,369 |
| 2 | VPB | 10,975,764 | FPT | 312,476,308 | PC1 | 22,828,053 |
| 3 | HPG | 8,475,335 | VNM | 229,756,402 | DBC | 20,172,616 |
| 4 | HDB | 7,691,225 | HPG | 222,037,748 | TPB | 19,431,968 |
| 5 | STB | 5,346,435 | HDB | 214,452,970 | NVL | 18,882,421 |

**3. Sự kiện doanh nghiệp**

| STT | Mã CK | Sự kiện |
|---|---|---|
| 1 | CACB2304 | CACB2304 (chứng quyền ACB/BSC/C/12M/EU/Cash/2023-01) hủy niêm yết 2.000.000 cq tại HOSE (do đáo hạn), ngày hủy niêm yết: 26/09/2024, ngày GD cuối cùng: 23/09/2024. |
| 2 | CTCB2309 | CTCB2309 (chứng quyền TCB/BSC/C/12M/EU/Cash/2023-01) hủy niêm yết 2.000.000 cq tại HOSE (do đáo hạn), ngày hủy niêm yết: 26/09/2024, ngày GD cuối cùng: 23/09/2024. |
| 3 | IJC | IJC giao dịch không hưởng quyền - chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 07%, ngày thanh toán: 26/12/2024. |
| 4 | AGG | AGG giao dịch không hưởng quyền - lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng và tăng số lượng TV HĐQT, thay đổi thù lao HĐQT, dự kiến lấy ý kiến cổ đông từ 01/10/2024 - 14/10/2024. |
| 5 | ITA | ITA bị chuyển từ diện hạn chế giao dịch sang diện đình chỉ giao dịch kể từ ngày 26/09/2024 (do tổ chức niêm yết tiếp tục vi phạm quy định về công bố thông tin sau khi đã bị đưa vào diện hạn chế giao dịch) đồng thời vẫn thuộc diện chứng khoán bị cảnh báo. |
| 6 | KPF | KPF chuyển từ cảnh báo sang diện bị kiểm soát kể từ ngày 26/09/2024 do tổ chức niêm yết chậm nộp BCTC soát xét bán niên quá 30 ngày so với thời gian quy định. |
| 7 | PSH | PSH bị đưa vào diện bị cảnh báo kể từ ngày 26/09/2024 do tổ chức niêm yết chậm nộp BCTC soát xét bán niên năm 2024 quá 15 ngày so với thời gian quy định. |
| 8 | FUESSVFL | FUESSVFL niêm yết và giao dịch bổ sung 100.000 ccq (tăng) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 26/09/2024. |
| 9 | FUEKIVND | FUEKIVND niêm yết và giao dịch bổ sung 2.400.000 ccq (tăng) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 26/09/2024. |
| 10 | FUEMAV30 | FUEMAV30 niêm yết và giao dịch bổ sung 300.000 ccq (giảm) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 26/09/2024. |
| 11 | TDP | TDP nhận quyết định niêm yết bổ sung 8.020.048 cp (phát hành cp trả cổ tức 2023) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 26/09/2024. |